

Số: 6/4 /QĐ-CT

Hải Phòng, ngày 25 tháng 3 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính
lĩnh vực tư pháp trên địa bàn thành phố Hải Phòng**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 về kiểm soát thủ tục hành chính; số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ: số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính; số 01/2018/TT-VPCP ngày 05/12/2018 hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP;

Căn cứ các Quyết định công bố thủ tục hành chính của Bộ Tư pháp và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 131/TTr-STP ngày 23/01/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực tư pháp trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Tư pháp tổ chức thực hiện việc công khai danh mục và nội dung thủ tục hành chính lĩnh vực tư pháp theo quy định.

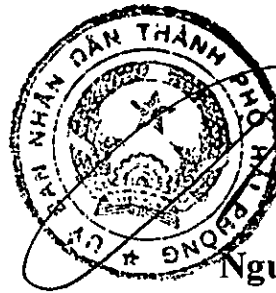
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1071/QĐ-CT ngày 17/5/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực tư pháp trên địa bàn thành phố Hải Phòng; Quyết định số 2474/QĐ-CT ngày 24/9/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thay thế, thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực tư pháp trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, phường, xã, thị trấn trên địa bàn thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- VPCP; Bộ Tư pháp;
- Cục KSTTHC - VPCP;
- TTTU, TT HỒNDTP;
- CT, các PCT UBND TP;
- Như Điều 4;
- CVP, PCVP UBND TP;
- Đài PT&THHP, Báo HP, Báo ANHP;
- Công TTĐTTP;
- Phòng: KSTTHC, TCNS, KTGS&TĐKT;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Tùng

PHỤ LỤC I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC TƯ PHÁP
THỰC HIỆN TẠI BỘ PHẬN MỘT CỬA

(kèm theo Quyết định số 14/QĐ-CT ngày 25/3/2019 của Chủ tịch UBND thành phố)

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN CỦA ỦY BAN
NHÂN DÂN THÀNH PHỐ (23 thủ tục)

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, nhận kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
		Sở Tư pháp	UBND thành phố			Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4	Dịch vụ công chính thức	

I. Lĩnh vực hỗ trợ tư pháp (15 thủ tục)

1	Thành lập Văn phòng công chứng	15 ngày	05 ngày	UBND thành phố	Không	Mức độ 4		- Luật Công chứng năm 2014; - Nghị định số 29/2015/NĐ-CP ngày 15/3/2015; - Thông tư số 06/2015/TT-BTP ngày 15/6/2015.
2	Thu hồi Quyết định cho phép thành lập Văn phòng công chứng	Không quy định	14 ngày làm việc	Sở Tư pháp	Không			Luật Công chứng năm 2014
3	Hợp nhất Văn phòng công chứng	20 ngày	15 ngày	Sở Tư pháp	Không	Mức độ 4		- Luật Công chứng năm 2014; - Nghị định số 29/2015/NĐ-CP ngày 15/3/2015;

								- Thông tư số 06/2015/TT-BTP ngày 15/6/2015.
4	Sáp nhập Văn phòng công chứng	20 ngày	15 ngày	Sở Tư pháp	Không	Mức độ 4		- Luật Công chứng năm 2014; - Nghị định số 29/2015/NĐ-CP ngày 15/3/2015; - Thông tư số 06/2015/TT-BTP ngày 15/6/2015.
5	Chuyển nhượng Văn phòng công chứng	20 ngày	15 ngày	Sở Tư pháp	Không	Mức độ 4		- Luật Công chứng năm 2014; - Nghị định số 29/2015/NĐ-CP ngày 15/3/2015; - Thông tư số 06/2015/TT-BTP ngày 15/6/2015.
6	Chuyển đổi Văn phòng công chứng do một công chứng viên thành lập	07 ngày làm việc	07 ngày làm việc	Sở Tư pháp	Không	Mức độ 3	Nộp hồ sơ	- Luật Công chứng năm 2014; - Thông tư số 06/2015/TT-BTP ngày 15/6/2015.
7	Thành lập Hội công chứng viên	30 ngày	15 ngày	Sở Tư pháp	Không			- Luật Công chứng năm 2014; - Nghị định số 29/2015/NĐ-CP ngày 15/3/2015.
8	Phê duyệt Đề án tổ chức Đại hội nhiệm kỳ, phương án xây dựng Ban Chủ nhiệm, Hội đồng khen thưởng, kỷ luật nhiệm kỳ		15 ngày	UBND thành phố	Không		Nộp hồ sơ	Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013

	mới của Đoàn luật sư							
9	Phê chuẩn kết quả Đại hội luật sư	04 ngày làm việc	03 ngày làm việc	UBND thành phố	Không		Nộp hồ sơ	Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013
10	Giải thể Đoàn luật sư	Không quy định	14 ngày	UBND thành phố	Không		Nộp hồ sơ	Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013
11	Cấp phép thành lập Văn phòng giám định tư pháp	15 ngày	10 ngày	Sở Tư pháp	Không			- Luật Giám định tư pháp năm 2012; - Kế hoạch số 171/KH-UBND ngày 22/8/2017 của UBND thành phố Hải Phòng.
12	Thay đổi, bổ sung lĩnh vực giám định của Văn phòng giám định tư pháp	30 ngày	15 ngày	Sở Tư pháp	Không		Nộp hồ sơ	- Luật Giám định tư pháp năm 2012; - Nghị định số 85/2013/NĐ-CP ngày 27/9/2013.
13	Chuyển đổi loại hình Văn phòng giám định tư pháp	07 ngày làm việc	10 ngày	Sở Tư pháp	Không			Nghị định số 85/2013/NĐ-CP ngày 27/9/2013
14	Bổ nhiệm giám định viên tư pháp	10 ngày	10 ngày	Sở Tư pháp	Không			Luật Giám định tư pháp năm 2012
15	Miễn nhiệm giám định viên tư pháp	05 ngày	05 ngày	Sở Tư pháp	Không			Luật Giám định tư pháp năm 2012

II. Lĩnh vực bồi thường nhà nước (01 thủ tục)

1	Xác định cơ quan giải quyết bồi thường	03 ngày làm việc	02 ngày làm việc	Sở Tư pháp	Không			- Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017; - Nghị định số 68/2018/NĐ-CP ngày 18/5/2018.
---	--	------------------	------------------	------------	-------	--	--	--

III. Lĩnh vực phổ biến, giáo dục pháp luật (02 thủ tục)

1	Công nhận Báo cáo viên pháp luật thành phố	03 ngày làm việc	02 ngày làm việc	Sở Tư pháp	Không	Mức độ 3	- Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2012; - Nghị định số 28/2013/NĐ-CP ngày 04/4/2013; - Thông tư số 10/2016/TT-BTP ngày 22/7/2016.
2	Miễn nhiệm Báo cáo viên pháp luật thành phố	03 ngày làm việc	02 ngày làm việc	Sở Tư pháp	Không		- Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2012; - Nghị định số 28/2013/NĐ-CP ngày 04/4/2013; - Thông tư số 10/2016/TT-BTP ngày 22/7/2016.

IV. Lĩnh vực hành chính tư pháp (07 thủ tục)

1	Giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài thông qua thủ tục giới thiệu trẻ em	- Cục Con nuôi kiểm tra, thẩm định hồ sơ: 15 ngày; - Sở Tư pháp giới thiệu trẻ em làm con nuôi (Danh sách 1): 30 ngày; - Bộ Tư pháp kiểm tra việc	- UBND TP có ý kiến đề chuyển hồ sơ cho Bộ Tư pháp giới thiệu trẻ em làm con nuôi (Danh sách 1): 10 ngày; - UBND TP ra quyết định cho trẻ em làm con nuôi người nước	Sở Tư pháp	- TH nhận trẻ em Danh sách 1: 9.000.000 đồng lệ phí và 50.000.000 đồng chi phí; - TH nhận trẻ em khuyết tật, mắc bệnh hiểm nghèo: 9.000.000 đồng lệ phí và được miễn nộp	- Luật Nuôi con nuôi năm 2010; - Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21/3/2011; - Nghị định số 114/2016/NĐ-CP ngày 08/7/2016; - Thông tư số 12/2011/TT-BTP ngày 27/6/2011; - Thông tư số 24/2014/TT-BTP ngày 29/12/2014; - Thông tư số 15/2014/TT-BTP ngày 20/5/2014.
---	--	---	---	------------	---	--

		giới thiệu trẻ em làm con nuôi (Danh sách 1): 30 ngày; - VP con nuôi nước ngoài gửi văn bản của cha mẹ nuôi đồng ý nhận trẻ em làm con nuôi và văn bản của cơ quan có thẩm quyền nước ngoài về việc trẻ em sẽ được nhập cảnh và thường trú ở nước ngoài (Danh sách 2): 30 ngày (hoặc 60 ngày trong TH trẻ em khuyết tật	ngoài: + <i>Danh sách 1</i> : 10 ngày; + <i>Danh sách 2</i> : 7 ngày.		chi phí; - Nhận 2 trẻ em là anh chị em ruột có sức khỏe bình thường: 13.500.000 đồng lệ phí và 100.000.000 đồng chi phí; - TH nhận 1 trẻ em bình thường từ 5 tuổi trở lên: 9.000.000 đồng lệ phí và 50.000.000 đồng chi phí.			
--	--	--	---	--	---	--	--	--

		hoặc mắc bệnh quá nặng); - Cục Con nuôi thông báo cho Sở Tư pháp: + Danh sách 1: 15 ngày; + Danh sách 2: 7 ngày;						
2	Giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đối với trường hợp nhận con riêng, cháu ruột làm con nuôi và người nước ngoài đang làm việc, học tập ở Việt Nam từ 12 tháng trở lên nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi	65 ngày	15 ngày	Sở Tư pháp	- 9.000.000 đồng lệ phí và 50.000.000 đồng chi phí; - TH cha dưỡng hoặc mẹ kế nhận con riêng của vợ hoặc chồng; cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu: 4.500.000 đồng lệ phí và miễn nộp chi phí; - TH nhận hai trẻ em trở lên là anh chị em ruột làm con nuôi, thì từ	Nộp hồ sơ	- Luật Nuôi con nuôi năm 2010; - Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21/3/2011; - Nghị định số 114/2016/NĐ-CP ngày 08/7/2016; - Thông tư số 12/2011/TT-BTP ngày 27/6/2011; - Thông tư số 24/2014/TT-BTP ngày 29/12/2014; - Thông tư số 15/2014/TT-BTP ngày 20/5/2014.	

					trẻ em thứ hai trở đi được giảm 50% mức lệ phí; - TH nhận trẻ em thuộc danh sách 2: được miễn nộp chi phí.		
3	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài	03 ngày làm việc	02 ngày làm việc	Sở Tư pháp	Không		- Luật Nuôi con nuôi năm 2010; - Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21/3/2011; - Nghị định số 114/2016/NĐ-CP ngày 08/7/2016; - Thông tư số 12/2011/TT-BTP ngày 27/6/2011; - Thông tư số 24/2014/TT-BTP ngày 29/12/2014; - Thông tư số 267/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016.
4	Giải quyết việc người nước ngoài thường trú ở Việt Nam nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi	20 ngày	15 ngày	Sở Tư pháp	4.500.000 đồng		- Luật Nuôi con nuôi năm 2010; - Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21/3/2011; - Nghị định số 114/2016/NĐ-CP ngày 08/7/2016; - Thông tư số 12/2011/TT-BTP ngày 27/6/2011;

							- Thông tư số 24/2014/TT-BTP ngày 29/12/2014; - Thông tư số 267/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016.
5	Nhập quốc tịch Việt Nam	- Sở Tư pháp: 15 ngày làm việc; - Công an thành phố: 30 ngày làm việc; - Bộ Tư pháp: 40 ngày làm việc (TH người xin nhập quốc tịch Việt Nam xin giữ quốc tịch nước ngoài, người xin nhập quốc tịch Việt Nam là người không quốc tịch: 50 ngày làm việc); - Chủ tịch nước: 30 ngày làm việc.	10 ngày làm việc	Sở Tư pháp	3.000.000 đồng (miễn lệ phí đối với người có công lao đặc biệt cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt Nam; người không quốc tịch có hoàn cảnh khó khăn)	Mức độ 3	- Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008; - Nghị định số 78/2009/NĐ-CP ngày 22/9/2009; - Nghị định số 97/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014; - Thông tư liên tịch số 05/2010/TTLT-BTP-BNG-BCA ngày 01/3/2010; - Thông tư số 08/2010/TT-BTP ngày 25/3/2010; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016.

6	Trở lại quốc tịch Việt Nam ở trong nước	- Sở Tư pháp: 10 ngày làm việc; - Công an thành phố: 20 ngày làm việc; - Bộ Tư pháp: 40 ngày làm việc; - Chủ tịch nước: 20 ngày.	05 ngày làm việc	Sở Tư pháp	2.500.000 đồng (miễn lệ phí đối với người có công lao đặc biệt cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt Nam; người mất quốc tịch có hoàn cảnh khó khăn)	Mức độ 3	- Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008; - Nghị định số 78/2009/NĐ-CP ngày 22/9/2009; - Nghị định số 97/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014; - Thông tư liên tịch số 05/2010/TTLT-BTP-BNG-BCA ngày 01/3/2010; - Thông tư số 08/2010/TT-BTP ngày 25/3/2010; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016.
7	Thôi quốc tịch Việt Nam ở trong nước	- Sở Tư pháp: 10 ngày làm việc; - Công an thành phố: 20 ngày; - Bộ Tư pháp: 30 ngày; - Chủ tịch nước: 20 ngày.	05 ngày làm việc	Sở Tư pháp	2.500.000 đồng	Mức độ 3	- Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008; - Nghị định số 78/2009/NĐ-CP ngày 22/9/2009; - Thông tư liên tịch số 05/2010/TTLT-BTP-BNG-BCA ngày 01/3/2010; - Thông tư số 08/2010/TT-BTP ngày 25/3/2010; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016.

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN CỦA SỞ TƯ PHÁP
(131 thủ tục)

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, nhận kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
					Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4	Dịch vụ bưu chính công ích	
I. Lĩnh vực hộ tịch (01 thủ tục)							
1	Cấp bản sao trích lục hộ tịch	Trong ngày tiếp nhận hồ sơ; TH nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo	Sở Tư pháp	8.000 đồng/bản sao	Mức độ 3	Nộp hồ sơ	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; - Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016.
II. Lĩnh vực quốc tịch (03 thủ tục)							
1	Cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả tra cứu, kiểm tra, xác minh	Sở Tư pháp	100.000 đồng (miễn lệ phí đối với người di cư từ Lào; kiều bào VN tại các nước láng giềng có chung đường biên giới với VN có hoàn	Mức độ 3	Nộp hồ sơ	- Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008; - Nghị định số 78/2009/NĐ-CP ngày 22/9/2009; - Thông tư liên tịch số 05/2010/TTLT/BTP-BNG-BCA ngày 01/3/2010;

				cảnh kinh tế khó khăn)			- Thông tư liên tịch số 05/2013/TTLT/ BTP-BNG-BCA ngày 31/01/2013; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016.
2	Cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam ở trong nước	- 05 ngày làm việc; - TH không đủ cơ sở xác định quốc tịch Việt Nam: 15 ngày làm việc.	Sở Tur pháp	100.000 đồng (miễn lệ phí đối với người di cư từ Lào; kiều bào VN tại các nước láng giềng có chung đường biên giới với VN có hoàn cảnh kinh tế khó khăn)	Mức độ 3	Nộp hồ sơ	- Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008; - Nghị định số 78/2009/NĐ-CP ngày 22/9/2009; - Thông tư liên tịch số 05/2010/TTLT/ BTP-BNG-BCA ngày 01/3/2010; - Thông tư liên tịch số 05/2013/TTLT/ BTP-BNG-BCA ngày 31/01/2013; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016.
3	Thông báo có quốc tịch nước ngoài	10 ngày	Sở Tur pháp	Không		Nộp hồ sơ	- Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008; - Nghị định số 78/2009/NĐ-CP ngày 22/9/2009; - Thông tư số 08/2010/TT-BTP ngày 25/3/2010; - Thông tư liên tịch số 05/2010/TTLT/ BTP-BNG-BCA ngày 01/3/2010.

III. Lĩnh vực công chứng, chứng thực (20 thủ tục)

1	Đăng ký tập sự hành nghề công	07 ngày	Sở	Không	Mức	Nộp	- Luật Công chứng
---	----------------------------------	---------	----	-------	-----	-----	-------------------

	chứng	làm việc	Tư pháp		độ 3	hồ sơ	năm 2014; - Thông tư số 04/2015/TT-BTP ngày 15/4/2015.
2	Thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng từ tổ chức hành nghề công chứng này sang tổ chức hành nghề công chứng khác trong địa bàn thành phố Hải Phòng	05 ngày làm việc	Sở Tư pháp	Không	Mức độ 3		- Luật Công chứng năm 2014; - Thông tư số 04/2015/TT-BTP ngày 15/4/2015.
3	Thay đổi nơi tập sự từ tổ chức hành nghề công chứng tại thành phố Hải Phòng sang tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác	05 ngày làm việc	Sở Tư pháp	Không		Nộp hồ sơ	- Luật Công chứng năm 2014; - Thông tư số 04/2015/TT-BTP ngày 15/4/2015.
4	Đăng ký tập sự hành nghề công chứng trường hợp Người tập sự thay đổi nơi tập sự sang tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác	07 ngày làm việc	Sở Tư pháp	Không	Mức độ 4	Nộp hồ sơ	- Luật Công chứng năm 2014; - Thông tư số 04/2015/TT-BTP ngày 15/4/2015.
5	Tạm ngừng tập sự hành nghề công chứng	Không quy định	Sở Tư pháp	Không		Nộp hồ sơ	- Luật Công chứng năm 2014; - Thông tư số 04/2015/TT-BTP ngày 15/4/2015.
6	Chấm dứt tập sự hành nghề công chứng	05 ngày làm việc	Sở Tư pháp	Không	Mức độ 3	Nộp hồ sơ	- Luật Công chứng năm 2014;

							- Thông tư số 04/2015/TT-BTP ngày 15/4/2015.
7	Đăng ký tập sự lại hành nghề công chứng sau khi chấm dứt tập sự hành nghề công chứng	07 ngày làm việc	Sở Tư pháp	Không	Mức độ 3	Nộp hồ sơ	- Luật Công chứng năm 2014; - Thông tư số 04/2015/TT-BTP ngày 15/4/2015.
8	Từ chối hướng dẫn tập sự (TH tổ chức hành nghề công chứng không có công chứng viên khác đủ điều kiện hướng dẫn tập sự)	07 ngày làm việc	Sở Tư pháp	Không		Nộp hồ sơ	- Luật Công chứng năm 2014; - Thông tư số 04/2015/TT-BTP ngày 15/4/2015.
9	Thay đổi công chứng viên hướng dẫn tập sự	07 ngày làm việc	Sở Tư pháp	Không	Mức độ 4	Nộp hồ sơ	- Luật Công chứng năm 2014; - Thông tư số 04/2015/TT-BTP ngày 15/4/2015.
10	Đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng	15 ngày	Sở Tư pháp	Phí sát hạch là 3.500.000 đồng/lần tham dự kiểm tra			- Luật Công chứng năm 2014; - Thông tư số 04/2015/TT-BTP ngày 15/4/2015; - Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016.
11	Đăng ký hành nghề và cấp Thẻ công chứng viên	10 ngày làm việc	Sở Tư pháp	100.000 đồng	Mức độ 3	Nộp hồ sơ	- Luật Công chứng năm 2014; - Thông tư số 06/2015/TT-BTP ngày 15/6/2015; - Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016.
12	Cấp lại Thẻ công chứng	05 ngày	Sở	100.000 đồng	Mức	Nộp	- Luật Công chứng

	viên	làm việc	Tư pháp		độ 4	hồ sơ năm 2014; - Thông tư số 06/2015/TT-BTP ngày 15/6/2015; - Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016.
13	Xóa đăng ký hành nghề của công chứng viên	07 ngày làm việc	Sở Tư pháp	Không		- Luật Công chứng năm 2014; - Thông tư số 06/2015/TT-BTP ngày 15/6/2015;
14	Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng	10 ngày làm việc	Sở Tư pháp	1.000.000 đồng	Mức độ 4	- Luật Công chứng năm 2014; - Thông tư số 06/2015/TT-BTP ngày 15/6/2015; - Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016.
15	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng	07 ngày làm việc	Sở Tư pháp	500.000 đồng		- Luật Công chứng năm 2014; - Thông tư số 06/2015/TT-BTP ngày 15/6/2015; - Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016.
16	Chấm dứt hoạt động Văn phòng công chứng (trường hợp tự chấm dứt)	Không quy định	Sở Tư pháp	Không	Mức độ 4	Luật Công chứng năm 2014
17	Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng hợp nhất	10 ngày làm việc	Sở Tư pháp	1.000.000 đồng	Mức độ 4	- Luật Công chứng năm 2014; - Nghị định số 29/2015/NĐ-CP ngày 15/3/2015;

							- Thông tư số 06/2015/TT-BTP ngày 15/6/2015; - Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016.
18	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng nhận sáp nhập	07 ngày làm việc	Sở Tư pháp	500.000 đồng	Mức độ 4	Nộp hồ sơ	- Luật Công chứng năm 2014; - Nghị định số 29/2015/NĐ-CP ngày 15/3/2015; - Thông tư số 06/2015/TT-BTP ngày 15/6/2015; - Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016.
19	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng được chuyển nhượng	07 ngày làm việc	Sở Tư pháp	500.000 đồng	Mức độ 4	Nộp hồ sơ	- Luật Công chứng năm 2014; - Nghị định số 29/2015/NĐ-CP ngày 15/3/2015; - Thông tư số 06/2015/TT-BTP ngày 15/6/2015; - Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016.
20	Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng được chuyển đổi từ Văn phòng công chứng do một công chứng viên thành lập	07 ngày làm việc	Sở Tư pháp	1.000.000 đồng			- Luật Công chứng năm 2014; - Thông tư số 06/2015/TT-BTP ngày 15/6/2015; - Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016.

IV. Lĩnh vực bồi thường nhà nước (03 thủ tục)

1	Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại	- Thụ lý hồ sơ: 02 ngày làm việc; - Cử người giải quyết bồi thường: 02 ngày làm việc; - Tạm ứng kinh phí bồi thường: 05 ngày làm việc (Trường hợp không còn đủ dự toán quản lý hành chính được cấp có thẩm quyền giao: 09 ngày làm việc); - Xác minh thiệt hại: 15 - 30 ngày (TH phức tạp: 30 - 45 ngày); - Báo cáo xác minh thiệt hại: 03 ngày làm việc - Thương lượng bồi thường: 12 - 22 ngày (TH phức tạp: 17 - 27 ngày); - Quyết định giải quyết bồi thường: Ngay sau khi kết thúc việc thương lượng.	Cơ quan giải quyết bồi thường là cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại trong hoạt động quản lý hành chính, tổ tụng, thi hành án quy định từ Điều 33 đến Điều 39 của Luật TNBTCNN năm 2017	Không			- Luật TNBTCNN năm 2017; - Nghị định số 68/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018; - Thông tư số 04/2018/TT-BTP ngày 17/5/2018.
2	Trả lại tài sản	05 ngày làm việc, kể từ ngày quyết định thu giữ, tạm giữ, kê biên, tịch thu bị hủy bỏ	Sở Tư pháp	Không			- Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2009; - Nghị định số 16/2010/NĐ-CP ngày 03/3/2010.
3	Chi trả tiền bồi thường	05 ngày làm việc, kể từ ngày bản án, quyết định giải quyết	Sở Tư pháp	Không			- Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2009;

		bồi thường có hiệu lực pháp luật					- Nghị định số 16/2010/NĐ-CP ngày 03/3/2010; - Thông tư liên tịch số 19/2010/TTLT-BTP-BTC-TTCP ngày 26/11/2010; - Thông tư liên tịch số 08/2013/TTLT-BTP-BTC-TTCP ngày 27/02/2013; - Thông tư liên tịch số 71/2012/TTLT-BTC-BTP ngày 09/5/2012.
--	--	----------------------------------	--	--	--	--	--

V. Lĩnh vực trợ giúp pháp lý (12 thủ tục)

1	Công nhận và cấp thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý	07 ngày làm việc	Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước	Không	Mức độ 3	Nộp hồ sơ	- Luật Trợ giúp pháp lý năm 2006; - Nghị định số 07/2007/NĐ-CP ngày 12/01/2007; - Nghị định số 05/2012/NĐ-CP ngày 02/02/2012; - Thông tư số 07/2012/TT-BTP ngày 30/7/2012.
2	Cấp lại thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý	07 ngày làm việc	Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước	Không	Mức độ 3	Nộp hồ sơ	- Luật Trợ giúp pháp lý năm 2006; - Nghị định số 07/2007/NĐ-CP ngày 12/01/2007; - Nghị định số 05/2012/NĐ-CP ngày 02/02/2012; - Thông tư số 07/2012/TT-BTP ngày 30/7/2012.

3	Thu hồi thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý	07 ngày làm việc	Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước	Không		Nộp hồ sơ	- Luật Trợ giúp pháp lý năm 2006; - Nghị định số 07/2007/NĐ-CP ngày 12/01/2007; - Thông tư số 07/2012/TT-BTP ngày 30/7/2012.
4	Đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Sở Tư pháp	Không	Mức độ 3	Nộp hồ sơ	- Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017; - Thông tư số 08/2017/TT-BTP ngày 15/11/2017.
5	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	05 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Sở Tư pháp	Không	Mức độ 3	Nộp hồ sơ	- Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017; - Thông tư số 08/2017/TT-BTP ngày 15/11/2017.
6	Thu hồi Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý của các tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức tư vấn pháp luật	Không quy định	Sở Tư pháp	Không		Nộp hồ sơ	- Luật Trợ giúp pháp lý năm 2006; - Nghị định 07/2007/NĐ-CP ngày 12/01/2007; - Thông tư số 07/2012/TT-BTP ngày 30/7/2012.
7	Đề nghị thanh toán chi phí thực hiện vụ việc trợ giúp pháp lý	05 ngày làm việc	Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước	Không		Nộp hồ sơ	- Luật Trợ giúp pháp lý năm 2006; - Nghị định số 07/2007/NĐ-CP ngày 12/01/2007; - Nghị định số 14/2013/NĐ-CP ngày 05/02/2013; - Thông tư liên tịch số 209/2012/TTLT-BTC-BTP ngày 30/11/2012;

							- Thông tư số 18/2013/TT-BTP ngày 20/11/2013.
8	Lựa chọn, ký hợp đồng với Luật sư	- 15 ngày kể từ ngày hết hạn nộp hồ sơ, Tổ đánh giá luật sư phải hoàn thành việc đánh giá. Trường hợp cần thiết, có thể kéo dài nhưng không quá 05 ngày làm việc; - 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo kết quả lựa chọn, luật sư được lựa chọn có trách nhiệm ký hợp đồng với Trung tâm.	Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước	Không		Nộp hồ sơ	- Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017; - Thông tư số 08/2017/TT-BTP ngày 15/11/2017.
9	Lựa chọn, ký hợp đồng với tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức tư vấn pháp luật	- 15 ngày kể từ ngày hết hạn nộp hồ sơ, Tổ đánh giá luật sư phải hoàn thành việc đánh giá. Trường hợp cần thiết, có thể kéo dài nhưng không quá 05 ngày làm việc; - 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo kết quả lựa chọn, luật sư được lựa chọn có trách nhiệm ký hợp đồng với Sở Tư pháp.	Sở Tư pháp	Không		Nộp hồ sơ	- Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017; - Thông tư số 08/2017/TT-BTP ngày 15/11/2017.
10	Cấp lại Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn đề nghị.	Sở Tư pháp	Không		Nộp hồ sơ	- Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017; - Thông tư số 08/2017/TT-BTP

							ngày 15/11/2017.
11	Chấm dứt đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	03 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Sở Tư pháp	Không		Nộp hồ sơ	- Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017; - Thông tư số 08/2017/TT-BTP ngày 15/11/2017.
12	Rút yêu cầu trợ giúp pháp lý của người được trợ giúp pháp lý	Ngay sau khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước, Chi nhánh của Trung tâm/Tổ chức tham gia trợ giúp pháp lý	Không		Nộp hồ sơ	- Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017; - Thông tư số 12/2018/TT-BTP ngày 28/8/2018.

VI. Lĩnh vực luật sư (17 thủ tục)

1	Đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư	10 ngày làm việc	Sở Tư pháp	100.000 đồng		Nộp hồ sơ	- Luật Luật sư năm 2006; - Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013; - Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017; - Thông tư số 02/2015/TT-BTP ngày 16/01/2015.
2	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư	Không quy định	Sở Tư pháp	100.000 đồng		Nộp hồ sơ	- Luật Luật sư năm 2006; - Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013; - Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017; - Thông tư số 02/2015/TT-BTP ngày 16/01/2015.
3	Chấm dứt hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư	- TH tổ chức hành nghề luật sư tự chấm dứt hoạt động hoặc công ty Luật bị	Sở Tư pháp	Không		Nộp hồ sơ	- Luật Luật sư năm 2006; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của

		hợp nhất, sáp nhập: không quy định thời hạn; - TH tổ chức hành nghề luật sư bị thu hồi Giấy đăng ký hoạt động hoặc Trưởng văn phòng luật sư, Giám đốc công ty luật bị thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư; chấm dứt hoạt động do Trưởng Văn phòng luật sư chết: 07 ngày làm việc.					Luật Luật sư năm 2012.
4	Đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài tại Việt Nam	10 ngày làm việc	Sở Tư pháp	2.000.000 đồng		Nộp hồ sơ	- Luật Luật sư năm 2006; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Luật sư năm 2012; - Thông tư số 220/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016.
5	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	05 ngày làm việc	Sở Tư pháp	1.000.000 đồng		Nộp hồ sơ	- Luật Luật sư năm 2006; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Luật sư năm 2012; - Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013; - Thông tư số 220/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016.
6	Chuyển đổi công ty luật trách nhiệm hữu hạn và công ty luật hợp danh	07 ngày làm việc	Sở Tư pháp	Không		Nộp hồ sơ	Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013
7	Chuyển đổi văn	07 ngày	Sở	Không		Nộp	Nghị định số

	phòng luật sư thành công ty luật	làm việc	Tư pháp			hồ sơ	123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013
8	Thay đổi người đại diện theo pháp luật của Văn phòng luật sư, Công ty luật TNHH một thành viên	05 ngày làm việc	Sở Tư pháp	100.000 đồng		Nộp hồ sơ	- Luật Luật sư năm 2006; - Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013; - Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017; - Thông tư số 02/2015/TT-BTP ngày 16/01/2015.
9	Thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty luật TNHH hai thành viên trở lên, công ty luật hợp danh	05 ngày làm việc	Sở Tư pháp	100.000 đồng		Nộp hồ sơ	- Luật Luật sư năm 2006; - Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013; - Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017; - Thông tư số 02/2015/TT-BTP ngày 16/01/2015.
10	Đăng ký hành nghề luật sư với tư cách cá nhân	07 ngày làm việc	Sở Tư pháp	Không		Nộp hồ sơ	- Luật Luật sư năm 2006; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Luật sư năm 2012; - Thông tư số 02/2015/TT-BTP ngày 16/01/2015.
11	Đăng ký hoạt động của chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư	07 ngày làm việc	Sở Tư pháp	50.000 đồng		Nộp hồ sơ	- Luật Luật sư năm 2006; - Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013; - Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017; - Thông tư số 02/2015/TT-BTP ngày 16/01/2015.
12	Thu hồi Giấy đăng ký hoạt	Không quy định	Sở	Không		Nộp hồ sơ	- Luật Luật sư năm 2006;

	động của tổ chức hành nghề luật sư, chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư		Tư pháp				- Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013; - Thông tư số 17/2011/TT-BTP ngày 14/10/2011.
13	Đăng ký hoạt động của công ty luật Việt Nam chuyên đổi từ công ty luật nước ngoài	07 ngày làm việc	Sở Tư pháp	Không		Nộp hồ sơ	Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013
14	Đăng ký hoạt động của chi nhánh của công ty luật nước ngoài	07 ngày làm việc	Sở Tư pháp	600.000 đồng		Nộp hồ sơ	- Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013; - Thông tư số 02/2015/TT-BTP ngày 16/01/2015; - Thông tư số 220/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016.
15	Cấp lại giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	10 ngày làm việc	Sở Tư pháp	2.000.000 đồng		Nộp hồ sơ	- Luật Luật sư năm 2006; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Luật sư năm 2012; - Thông tư số 17/2011/TT-BTP ngày 14/10/2011; - Thông tư số 220/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016.
16	Hợp nhất công ty luật	10 ngày	Sở Tư pháp	Không		Nộp hồ sơ	Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013
17	Sáp nhập công ty luật	10 ngày	Sở Tư pháp	Không		Nộp hồ sơ	Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013
VII. Lĩnh vực đấu giá tài sản (12 thủ tục)							
1	Cấp Thẻ đấu giá viên	05 ngày làm việc	Sở Tư pháp	Không		Nộp hồ sơ	- Luật Đấu giá tài sản năm 2016; - Nghị định số 62/2017/NĐ-CP ngày 16/5/2017; - Thông tư số

						06/2017/TT-BTP ngày 16/5/2017.
2	Thu hồi Thẻ đấu giá viên	03 ngày làm việc	Sở Tư pháp	Không		- Luật Đấu giá tài sản năm 2016; - Nghị định số 62/2017/NĐ-CP ngày 16/5/2017.
3	Cấp lại Thẻ đấu giá viên	03 ngày làm việc	Sở Tư pháp	Không	Nộp hồ sơ	- Luật Đấu giá tài sản năm 2016; - Nghị định số 62/2017/NĐ-CP ngày 16/5/2017; - Thông tư số 06/2017/TT-BTP ngày 16/5/2017.
4	Đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản	10 ngày làm việc	Sở Tư pháp	1.000.000 đồng		- Luật Đấu giá tài sản năm 2016; - Nghị định số 62/2017/NĐ-CP ngày 16/5/2017; - Thông tư số 06/2017/TT-BTP ngày 16/5/2017; - Thông tư số 106/2017/TT-BTC ngày 06/10/2017.
5	Đăng ký hoạt động đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực thi hành chuyển đổi toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp	10 ngày làm việc	Sở Tư pháp	500.000 đồng	Nộp hồ sơ	- Luật Đấu giá tài sản năm 2016; - Nghị định số 62/2017/NĐ-CP ngày 16/5/2017; - Thông tư số 06/2017/TT-BTP ngày 16/5/2017; - Thông tư số 106/2017/TT-BTC ngày 06/10/2017.
6	Đăng ký hoạt động đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực thi hành tiếp tục hoạt động đấu	10 ngày làm việc	Sở Tư pháp	500.000 đồng	Nộp hồ sơ	- Luật Đấu giá tài sản năm 2016; - Nghị định số 62/2017/NĐ-CP ngày 16/5/2017; - Thông tư số 06/2017/TT-BTP ngày 16/5/2017; - Thông tư số 106/2017/TT-BTC

	giá tài sản và kinh doanh các ngành nghề khác						ngày 06/10/2017.
7	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản	05 ngày làm việc	Sở Tư pháp	500.000 đồng			- Luật Đấu giá tài sản năm 2016; - Nghị định số 62/2017/NĐ-CP ngày 16/5/2017; - Thông tư số 06/2017/TT-BTP ngày 16/5/2017; - Thông tư số 106/2017/TT-BTC ngày 06/10/2017.
8	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản	07 ngày làm việc	Sở Tư pháp	500.000 đồng			- Luật Đấu giá tài sản năm 2016; - Nghị định số 62/2017/NĐ-CP ngày 16/5/2017; - Thông tư số 06/2017/TT-BTP ngày 16/5/2017; - Thông tư số 106/2017/TT-BTC ngày 06/10/2017.
9	Đăng ký hoạt động của chi nhánh doanh nghiệp đấu giá tài sản	07 ngày làm việc	Sở Tư pháp	Không			- Luật Đấu giá tài sản năm 2016; - Nghị định số 62/2017/NĐ-CP ngày 16/5/2017; - Thông tư số 06/2017/TT-BTP ngày 16/5/2017.
10	Thu hồi Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản	- Sau 30 ngày kể từ ngày có văn bản yêu cầu của Sở Tư pháp đối với DN đấu giá tài sản không đáp ứng điều kiện tại khoản 3 Điều 23 Luật Đấu giá tài sản 2016; - Sau 10 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc	Sở Tư pháp	Không			Luật Đấu giá tài sản năm 2016

		thời hạn trong thông báo của Sở Tư pháp mà người được yêu cầu không đến đối với DN đấu giá tài sản ngừng hoạt động 01 năm.					
11	Phê duyệt đủ điều kiện thực hiện hình thức đấu giá trực tuyến	90 ngày	Sở Tư pháp	Không			- Luật Đấu giá tài sản năm 2016; - Nghị định số 62/2017/NĐ-CP ngày 16/5/2017.
12	Đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề đấu giá tài sản	10 ngày	Sở Tư pháp	2.700.000 đồng		Nộp hồ sơ	- Luật Đấu giá tài sản năm 2016; - Nghị định số 62/2017/NĐ-CP ngày 16/5/2017; - Thông tư số 06/2017/TT-BTP ngày 16/5/2017; - Thông tư số 106/2017/TT-BTC ngày 06/10/2017.

VIII. Lĩnh vực giám định tư pháp (06 thủ tục)

1	Đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp	30 ngày	Sở Tư pháp	Không			Luật Giám định tư pháp năm 2012
2	Thu hồi Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng Giám định tư pháp	07 ngày làm việc	Sở Tư pháp	Không			Nghị định số 85/2013/NĐ-CP ngày 27/9/2013
3	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động, cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp	05 ngày làm việc	Sở Tư pháp	Không		Nộp hồ sơ	Nghị định số 85/2013/NĐ-CP ngày 27/9/2013
4	Chấm dứt hoạt động Văn phòng giám định tư pháp	07 ngày làm việc	Sở Tư pháp	Không		Nộp hồ sơ	Nghị định số 85/2013/NĐ-CP ngày 27/9/2013

5	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp trong trường hợp thay đổi tên gọi, địa chỉ trụ sở, người đại diện theo pháp luật của Văn phòng	05 ngày làm việc	Sở Tư pháp	Không		Nộp hồ sơ	Nghị định số 85/2013/NĐ-CP ngày 27/9/2013
6	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp trong trường hợp Giấy đăng ký hoạt động bị hư hỏng hoặc bị mất	05 ngày làm việc	Sở Tư pháp	Không		Nộp hồ sơ	Nghị định số 85/2013/NĐ-CP ngày 27/9/2013

IX. Lĩnh vực tư vấn pháp luật (10 thủ tục)

1	Cấp Thẻ tư vấn viên pháp luật	05 ngày làm việc	Sở Tư pháp	Không	Mức độ 3	Nộp hồ sơ	- Nghị định số 77/2008/NĐ-CP ngày 16/7/2008; - Nghị định số 05/2012/NĐ-CP ngày 02/02/2012; - Thông tư số 01/2010/TT-BTP ngày 09/02/2010; - Thông tư số 19/2011/TT-BTP ngày 31/10/2011.
2	Cấp lại Thẻ tư vấn viên pháp luật	07 ngày làm việc	Sở Tư pháp	Không	Mức độ 3	Nộp hồ sơ	Thông tư số 01/2010/TT-BTP ngày 09/02/2010
3	Thu hồi Thẻ tư vấn viên pháp luật	07 ngày làm việc	Sở Tư pháp	Không		Nộp hồ sơ	- Nghị định số 77/2008/NĐ-CP ngày 16/7/2008; - Thông tư số 01/2010/TT-BTP ngày 09/02/2010.

4	Đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật	05 ngày làm việc	Sở Tư pháp	Không	Mức độ 3	Nộp hồ sơ	- Nghị định số 77/2008/NĐ-CP ngày 16/7/2008; - Nghị định số 05/2012/NĐ-CP ngày 02/02/2012; - Thông tư số 01/2010/TT-BTP ngày 09/02/2010.
5	Đăng ký hoạt động cho chi nhánh của Trung tâm tư vấn pháp luật	05 ngày làm việc	Sở Tư pháp	Không		Nộp hồ sơ	- Nghị định số 77/2008/NĐ-CP ngày 16/7/2008; - Thông tư số 01/2010/TT-BTP ngày 09/02/2010; - Thông tư số 19/2011/TT-BTP ngày 31/10/2011.
6	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật, chi nhánh	07 ngày làm việc	Sở Tư pháp	Không		Nộp hồ sơ	- Nghị định số 77/2008/NĐ-CP ngày 16/7/2008; - Thông tư số 01/2010/TT-BTP ngày 09/02/2010.
7	Chấm dứt hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật trong trường hợp bị thu hồi giấy đăng ký hoạt động	07 ngày làm việc	Sở Tư pháp	Không		Nộp hồ sơ	- Nghị định số 77/2008/NĐ-CP ngày 16/7/2008; - Thông tư số 01/2010/TT-BTP ngày 09/02/2010.
8	Chấm dứt hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật trong trường hợp theo quyết định của tổ chức chủ quản	Không quy định	Sở Tư pháp	Không		Nộp hồ sơ	- Nghị định số 77/2008/NĐ-CP ngày 16/7/2008; - Thông tư số 01/2010/TT-BTP ngày 09/02/2010.
9	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh Trung tâm tư vấn pháp luật	15 ngày	Sở Tư pháp	Không		Nộp hồ sơ	- Nghị định số 77/2008/NĐ-CP ngày 16/7/2008; - Thông tư số 01/2010/TT-BTP ngày 09/02/2010.
10	Thu hồi giấy đăng ký hoạt	- TH trung tâm TVPL, chi	Sở	Không		Nộp	- Nghị định số 77/2008/NĐ-CP ngày

	động của Trung tâm tư vấn pháp luật, chi nhánh	nhánh bị xử phạt VPHC với hình thức xử phạt bổ sung là tước quyền sử dụng Giấy đăng ký hoạt động: 15 ngày làm việc, kể từ ngày có quyết định xử phạt VPHC; - Các TH khác: không quy định.	Tư pháp			hồ sơ	16/7/2008; - Thông tư số 01/2010/TT-BTP ngày 09/02/2010.
--	--	--	---------	--	--	-------	---

X. Lĩnh vực trọng tài thương mại (19 thủ tục)

1	Đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài	15 ngày làm việc	Sở Tư pháp	1.500.000 đồng		Nộp hồ sơ	- Luật Trọng tài thương mại năm 2010; - Nghị định số 63/2011/NĐ-CP ngày 28/7/2011; - Thông tư số 12/2012/TT-BTP ngày 07/11/2012; - Thông tư số 222/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016.
2	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài	10 ngày làm việc	Sở Tư pháp	1.000.000 đồng		Nộp hồ sơ	- Luật Trọng tài thương mại năm 2010; - Nghị định số 63/2011/NĐ-CP ngày 28/7/2011; - Thông tư số 12/2012/TT-BTP ngày 07/11/2012; - Thông tư số 222/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016.
3	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài	15 ngày làm việc	Sở Tư pháp	500.000 đồng		Nộp hồ sơ	- Luật Trọng tài thương mại năm 2010; - Nghị định số 63/2011/NĐ-CP ngày 28/7/2011; - Thông tư số 12/2012/TT-BTP ngày 07/11/2012; - Thông tư số

							222/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016.
4	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài	07 ngày làm việc	Sở Tu pháp	500.000 đồng		Nộp hồ sơ	- Luật Trọng tài thương mại năm 2010; - Nghị định số 63/2011/NĐ-CP ngày 28/7/2011; - Thông tư số 12/2012/TT-BTP ngày 07/11/2012; - Thông tư số 222/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016.
5	Thu hồi giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài, Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài	15 ngày làm việc	Sở Tu pháp	Không		Nộp hồ sơ	- Luật Trọng tài thương mại năm 2010; - Nghị định số 63/2011/NĐ-CP ngày 28/7/2011; - Thông tư số 12/2012/TT-BTP ngày 07/11/2012.
6	Chấm dứt hoạt động của Chi nhánh/ Văn phòng đại diện Trung tâm trọng tài	Không quy định	Sở Tu pháp	Không		Nộp hồ sơ	- Luật Trọng tài thương mại năm 2010; - Nghị định số 63/2011/NĐ-CP ngày 28/7/2011; - Thông tư số 12/2012/TT-BTP ngày 07/11/2012.
7	Đăng ký hoạt động Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	10 ngày làm việc	Sở Tu pháp	5.000.000 đồng		Nộp hồ sơ	- Luật Trọng tài thương mại năm 2010; - Nghị định số 63/2011/NĐ-CP ngày 28/7/2011; - Thông tư số 12/2012/TT-BTP ngày 07/11/2012; - Thông tư số 222/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016.
8	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động	15 ngày làm việc	Sở Tu pháp	3.000.000 đồng		Nộp hồ sơ	- Luật Trọng tài thương mại năm 2010;

	Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam						- Nghị định số 63/2011/NĐ-CP ngày 28/7/2011; - Thông tư số 12/2012/TT-BTP ngày 07/11/2012; - Thông tư số 222/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016.
9	Thu hồi Giấy đăng ký hoạt động Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	15 ngày làm việc	Sở Tư pháp	Không		Nộp hồ sơ	- Luật Trọng tài thương mại năm 2010; - Nghị định số 63/2011/NĐ-CP ngày 28/7/2011; - Thông tư số 12/2012/TT-BTP ngày 07/11/2012.
10	Thông báo về việc thành lập Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	Không quy định	Sở Tư pháp	Không		Nộp hồ sơ	- Luật Trọng tài thương mại năm 2010; - Nghị định số 63/2011/NĐ-CP ngày 28/7/2011; - Thông tư số 12/2012/TT-BTP ngày 07/11/2012.
11	Thông báo thay đổi Trưởng Văn phòng đại diện, địa điểm đặt trụ sở của Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Không quy định	Sở Tư pháp	Không		Nộp hồ sơ	- Luật Trọng tài thương mại năm 2010; - Nghị định số 63/2011/NĐ-CP ngày 28/7/2011; - Thông tư số 12/2012/TT-BTP ngày 07/11/2012.
12	Thông báo thay đổi địa điểm đặt trụ sở của Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam sang tỉnh,	Không quy định	Sở Tư pháp	Không		Nộp hồ sơ	- Luật Trọng tài thương mại năm 2010; - Nghị định số 63/2011/NĐ-CP ngày 28/7/2011; - Thông tư số

	thành phố trực thuộc trung ương khác						12/2012/TT-BTP ngày 07/11/2012.
13	Thông báo thay đổi địa điểm đặt trụ sở của Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác	Không quy định	Sở Tư pháp	Không		Nộp hồ sơ	- Luật Trọng tài thương mại năm 2010; - Nghị định số 63/2011/NĐ-CP ngày 28/7/2011; - Thông tư số 12/2012/TT-BTP ngày 07/11/2012.
14	Thông báo thay đổi địa điểm đặt trụ sở của Trung tâm trọng tài, Chi nhánh Trung tâm trọng tài sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác	Không quy định	Sở Tư pháp	Không		Nộp hồ sơ	- Luật Trọng tài thương mại năm 2010; - Nghị định số 63/2011/NĐ-CP ngày 28/7/2011; - Thông tư số 12/2012/TT-BTP ngày 07/11/2012.
15	Thông báo về việc thành lập Chi nhánh/ Văn phòng đại diện của Trung tâm trọng tài tại nước ngoài	Không quy định	Sở Tư pháp	Không		Nộp hồ sơ	- Luật Trọng tài thương mại năm 2010; - Nghị định số 63/2011/NĐ-CP ngày 28/7/2011; - Thông tư số 12/2012/TT-BTP ngày 07/11/2012.
16	Thông báo về việc thành lập Văn phòng đại diện của Trung tâm trọng tài	Không quy định	Sở Tư pháp	Không		Nộp hồ sơ	- Luật Trọng tài thương mại năm 2010; - Nghị định số 63/2011/NĐ-CP ngày 28/7/2011; - Thông tư số 12/2012/TT-BTP ngày 07/11/2012.
17	Thông báo về việc thay đổi địa điểm đặt trụ sở, Trưởng Văn phòng đại diện của Trung tâm trọng tài	Không quy định	Sở Tư pháp	Không		Nộp hồ sơ	- Luật Trọng tài thương mại năm 2010; - Nghị định số 63/2011/NĐ-CP ngày 28/7/2011; - Thông tư số

							12/2012/TT-BTP ngày 07/11/2012.
18	Thông báo thay đổi danh sách trọng tài viên	Không quy định	Sở Tur pháp	Không		Nộp hồ sơ	- Luật Trọng tài thương mại năm 2010; - Nghị định số 63/2011/NĐ-CP ngày 28/7/2011; - Thông tư số 12/2012/TT-BTP ngày 07/11/2012.
19	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài, Chi nhánh Trung tâm trọng tài, Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	05 ngày làm việc	Sở Tur pháp	- Phí thẩm định Giấy đăng ký hoạt động của TTTT: 1.500.000 đồng; - Phí thẩm định Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh TTTT: 1.000.000 đồng; - Phí thẩm định Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam: 5.000.000 đồng.		Nộp hồ sơ	- Luật Trọng tài thương mại năm 2010; - Nghị định số 63/2011/NĐ-CP ngày 28/7/2011; - Thông tư số 12/2012/TT-BTP ngày 07/11/2012; - Thông tư số 222/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016.

XI. Lĩnh vực quản tài viên (12 thủ tục)

1	Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá	07 ngày làm việc	Sở Tur pháp	500.000 đồng		Nộp hồ sơ	- Luật Phá sản năm 2014; - Nghị định số 22/2015/NĐ-CP ngày
---	---	---------------------	----------------	--------------	--	--------------	---

	nhân						16/02/2015; - Thông tư số 224/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016.
2	Chấm dứt hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá nhân	Không quy định	Sở Tư pháp	Không			- Luật Phá sản năm 2014; - Nghị định số 22/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015.
3	Thông báo về việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	Không quy định	Sở Tư pháp	Không			- Luật Phá sản năm 2014; - Nghị định số 22/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015.
4	Thay đổi thành viên hợp danh của công ty hợp danh quản lý, thanh lý tài sản	07 ngày làm việc	Sở Tư pháp	Không		Nộp hồ sơ	- Luật Phá sản năm 2014; - Nghị định số 22/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015.
5	Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	07 ngày làm việc	Sở Tư pháp	500.000 đồng		Nộp hồ sơ	- Luật Phá sản năm 2014; - Nghị định số 22/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015; - Thông tư số 224/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016.
6	Thay đổi thông tin đăng ký hành nghề của Quản tài viên	03 ngày làm việc	Sở Tư pháp	Không		Nộp hồ sơ	- Luật Phá sản năm 2014; - Nghị định số 22/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015.
7	Thay đổi thông tin đăng ký hành nghề của doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	03 ngày làm việc	Sở Tư pháp	Không		Nộp hồ sơ	- Luật Phá sản năm 2014; - Nghị định số 22/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015.
8	Tạm đình chỉ hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với Quản tài viên	Không quy định	Sở Tư pháp	Không			- Luật Phá sản năm 2014; - Nghị định số 22/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015.
9	Tạm đình chỉ hành nghề quản	Không	Sở	Không			- Luật Phá sản năm

	lý, thanh lý tài sản đối với doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	quy định	Tư pháp				2014; - Nghị định số 22/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015.
10	Gia hạn việc tạm đình chỉ hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	Không quy định	Sở Tư pháp	Không			- Luật Phá sản năm 2014; - Nghị định số 22/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015.
11	Hủy bỏ việc tạm đình chỉ hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với Quản tài viên	Không quy định	Sở Tư pháp	Không			- Luật Phá sản năm 2014; - Nghị định số 22/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015.
12	Hủy bỏ việc tạm đình chỉ hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	Không quy định	Sở Tư pháp	Không			- Luật Phá sản năm 2014; - Nghị định số 22/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015.

XII. Lĩnh vực hòa giải thương mại (13 thủ tục)

1	Đăng ký làm hòa giải viên thương mại vụ việc	07 ngày làm việc	Sở Tư pháp	Không		Nộp hồ sơ	- Nghị định số 22/2017/NĐ-CP ngày 24/02/2017; - Thông tư số 02/2018/TT-BTP ngày 26/02/2018.
2	Thôi làm hòa giải viên thương mại vụ việc khỏi danh sách hòa giải viên thương mại vụ việc của Sở Tư pháp	Không quy định	Sở Tư pháp	Không		Nộp hồ sơ	Nghị định số 22/2017/NĐ-CP ngày 24/02/2017
3	Đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại	15 ngày	Sở Tư pháp	Không		Nộp hồ sơ	- Nghị định số 22/2017/NĐ-CP ngày 24/02/2017; - Thông tư số 02/2018/TT-BTP

							ngày 26/02/2018.
4	Thay đổi tên gọi trong Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm hòa giải thương mại	07 ngày làm việc	Sở Tư pháp	Không		Nộp hồ sơ	Nghị định số 22/2017/NĐ-CP ngày 24/02/2017
5	Thay đổi địa chỉ trụ sở của Trung tâm hòa giải thương mại từ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác	15 ngày	Sở Tư pháp	Không		Nộp hồ sơ	Nghị định số 22/2017/NĐ-CP ngày 24/02/2017
6	Đăng ký hoạt động Chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại	10 ngày	Sở Tư pháp	Không		Nộp hồ sơ	- Nghị định số 22/2017/NĐ-CP ngày 24/02/2017; - Thông tư số 02/2018/TT-BTP ngày 26/02/2018.
7	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại/chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại	05 ngày làm việc	Sở Tư pháp	Không		Nộp hồ sơ	- Nghị định số 22/2017/NĐ-CP ngày 24/02/2017; - Thông tư số 02/2018/TT-BTP ngày 26/02/2018.
8	Tự chấm dứt hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại	05 ngày làm việc	Sở Tư pháp	Không		Nộp hồ sơ	- Nghị định số 22/2017/NĐ-CP ngày 24/02/2017; - Thông tư số 02/2018/TT-BTP ngày 26/02/2018.
9	Đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam	10 ngày	Sở Tư pháp	Không		Nộp hồ sơ	- Nghị định số 22/2017/NĐ-CP ngày 24/02/2017; - Thông tư số 02/2018/TT-BTP ngày 26/02/2018.
10	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hòa giải thương	05 ngày làm việc	Sở Tư pháp	Không		Nộp hồ sơ	- Nghị định số 22/2017/NĐ-CP ngày 24/02/2017; - Thông tư số 02/2018/TT-BTP

	mại nước ngoài tại Việt Nam						ngày 26/02/2018.
11	Thay đổi tên gọi, Trưởng chi nhánh trong Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam	07 ngày làm việc	Sở Tư pháp	Không		Nộp hồ sơ	Nghị định số 22/2017/NĐ-CP ngày 24/02/2017
12	Thay đổi địa chỉ trụ sở của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam từ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác	10 ngày	Sở Tư pháp	Không		Nộp hồ sơ	Nghị định số 22/2017/NĐ-CP ngày 24/02/2017
13	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam	07 ngày làm việc	Sở Tư pháp	Không		Nộp hồ sơ	- Nghị định số 22/2017/NĐ-CP ngày 24/02/2017; - Thông tư số 02/2018/TT-BTP ngày 26/02/2018.

XIII. Lĩnh vực lý lịch tư pháp (03 thủ tục)

1	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam	10 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu hợp lệ. Trường hợp người được yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp là công dân Việt Nam đã cư trú ở nhiều nơi hoặc có thời gian cư trú ở nước ngoài, người nước ngoài, trường hợp phải xác minh về	Sở Tư pháp	- Phí cung cấp thông tin LLTP: 200.000 đồng/lần/người. - Đối với sinh viên, người có công với cách mạng, thân nhân liệt	Mức độ 3	Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Luật Lý lịch tư pháp năm 2009; - Luật Căn cước công dân năm 2014; - Nghị định số 111/2010/NĐ-CP ngày 23/11/2010; - Thông tư số 13/2011/TT-BTP ngày 27/6/2011; - Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP ngày 10/5/2012;
---	--	--	------------	--	----------	--------------------------	---

		điều kiện đương nhiên được xóa án tích thì thời hạn không quá 15 ngày.		sỹ: 100.000 đồng/lần/người. - Miễn phí cung cấp thông tin LLTP cho trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật, người thuộc hộ nghèo, người cư trú tại các xã đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật. - TH đề nghị cấp trên 2 Phiếu trong một lần yêu cầu, thì kể từ Phiếu thứ 3 thu thêm 5.000 đồng /Phiếu.			- Thông tư số 16/2013/TT-BTP ngày 11/1/2013; - Thông tư số 244/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016.
2	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (đối tượng là công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam)	Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu hợp lệ. Trường hợp người được yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp là công dân Việt Nam đã cư trú ở nhiều nơi hoặc có thời gian cư trú ở nước ngoài, người nước ngoài,	Sở Tư pháp	Không	Mức độ 3	Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Luật Lý lịch tư pháp năm 2009; - Nghị định số 111/2010/NĐ-CP ngày 23/11/2010; - Thông tư số 13/2011/TT-BTP ngày 27/6/2011; - Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP ngày 10/5/2012; - Thông tư số

		trường hợp phải xác minh về điều kiện đương nhiên được xóa án tích thì thời hạn không quá 15 ngày.					16/2013/TT-BTP ngày 11/1/2013; - Thông tư số 244/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016
3	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho cơ quan tiến hành tố tụng (đối tượng là công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam)	- Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu hợp lệ. Trường hợp người được yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp là công dân Việt Nam đã cư trú ở nhiều nơi hoặc có thời gian cư trú ở nước ngoài, người nước ngoài, trường hợp phải xác minh về điều kiện đương nhiên được xóa án tích thì thời hạn không quá 15 ngày. - Trường hợp khẩn cấp thì thời hạn không quá 24 giờ, kể từ thời điểm nhận được yêu cầu.	Sở Tư pháp	Không	Mức độ 3	Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Luật Lý lịch tư pháp năm 2009; - Nghị định số 111/2010/NĐ-CP ngày 23/11/2010; - Thông tư số 13/2011/TT-BTP ngày 27/6/2011; - Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP ngày 10/5/2012; - Thông tư số 16/2013/TT-BTP ngày 11/1/2013; - Thông tư số 244/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016

C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN (36 thủ tục)

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, nhận kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
					Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4	Dịch vụ bưu chính công ích	
I. Lĩnh vực hộ tịch (16 thủ tục)							
1	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài	Trong ngày tiếp nhận hồ sơ; TH nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo	UBND cấp huyện	75.000 đồng (miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng, thuộc hộ nghèo; người khuyết tật)		Nộp hồ sơ	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; - Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015. - Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 của HĐND thành phố Hải Phòng.
2	Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	15 ngày làm việc	UBND cấp huyện	1.500.000 đồng (miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách			- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; - Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015. - Nghị quyết số

				mạng, thuộc hộ nghèo; người khuyết tật)			12/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 của HĐND thành phố Hải Phòng.
3	Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài	- Trong ngày tiếp nhận hồ sơ; TH nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo; - TH cần xác minh: không quá 03 ngày làm việc.	UBND cấp huyện	75.000 đồng (miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng, thuộc hộ nghèo; người khuyết tật)	Mức độ 3	Nộp hồ sơ	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; - Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015. - Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 của HĐND thành phố Hải Phòng.
4	Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	15 ngày làm việc	UBND cấp huyện	1.500.000 đồng (miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng, thuộc hộ nghèo; người khuyết tật)			- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; - Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015. - Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 của HĐND thành phố Hải Phòng.

5	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	15 ngày làm việc	UBND cấp huyện	- Đăng ký khai sinh: 75.000 đồng - Đăng ký nhận cha, mẹ, con: 1.500.000 đồng (miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng, thuộc hộ nghèo; người khuyết tật)		- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; - Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015. - Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 của HĐND thành phố Hải Phòng.
6	Đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài	- Đăng ký giám hộ cử: 05 ngày làm việc; - Đăng ký giám hộ đương nhiên: 03 ngày làm việc.	UBND cấp huyện	75.000 đồng (miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng, thuộc hộ nghèo; người khuyết tật)	Nộp hồ sơ	- Bộ luật Dân sự 2015; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; - Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015. - Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 của HĐND thành phố Hải Phòng.
7	Đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài	02 ngày làm việc	UBND cấp huyện	75.000 đồng (miễn lệ	Nộp hồ sơ	- Bộ luật Dân sự 2015; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số

				phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng, thuộc hộ nghèo; người khuyết tật)			123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; - Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015. - Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 của HĐND thành phố Hải Phòng.
8	Đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc	- Bổ sung hộ tịch: trong ngày, TH nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo; - Thay đổi, cải chính hộ tịch, xác định lại dân tộc: 03 ngày làm việc (TH cần xác minh: 06 ngày làm việc).	UBND cấp huyện	- Bổ sung hộ tịch, thay đổi/cải chính hộ tịch/xác định lại dân tộc: 28.000 đồng (miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng, thuộc hộ nghèo; người khuyết tật).		Nộp hồ sơ	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; - Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015. - Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 của HĐND thành phố Hải Phòng.
9	Ghi vào Sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền	12 ngày làm việc	UBND cấp huyện	75.000 đồng (miễn lệ phí cho người	Mức độ 3	Nộp hồ sơ	- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP

	quyền của nước ngoài			thuộc gia đình có công với cách mạng, thuộc hộ nghèo; người khuyết tật)			ngày 15/11/2015; - Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015. - Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 của HĐND thành phố Hải Phòng.
10	Ghi vào Sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	12 ngày làm việc	UBND cấp huyện	75.000 đồng (miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng, thuộc hộ nghèo; người khuyết tật)	Mức độ 3	Nộp hồ sơ	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; - Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015. - Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 của HĐND thành phố Hải Phòng.
11	Ghi vào sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch)	- Trong ngày tiếp nhận hồ sơ; TH nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo; - TH cần xác minh: không quá 03 ngày làm việc.	UBND cấp huyện	75.000 đồng (miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng, thuộc hộ nghèo; người khuyết tật)		Nộp hồ sơ	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; - Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015. - Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 của HĐND thành phố Hải Phòng.

12	Đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài	- 05 ngày làm việc; - TH phải có văn bản xác minh: 13 ngày làm việc.	UBND cấp huyện	75.000 đồng (miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng, thuộc hộ nghèo; người khuyết tật)		Nộp hồ sơ	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; - Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015. - Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 của HĐND thành phố Hải Phòng.
13	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	- 05 ngày làm việc; - TH phải có văn bản xác minh: 13 ngày làm việc.	UBND cấp huyện	75.000 đồng (miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng, thuộc hộ nghèo; người khuyết tật)		Nộp hồ sơ	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; - Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015. - Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 của HĐND thành phố Hải Phòng.
14	Đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài	- 05 ngày làm việc; - TH phải có văn bản xác minh: 13 ngày làm việc.	UBND cấp huyện	1.500.000 đồng (miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng,			- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; - Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015. - Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND

				thuộc hộ nghèo; người khuyết tật)			ngày 12/7/2018 của HĐND thành phố Hải Phòng.
15	Đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài	- 05 ngày làm việc; - TH phải có văn bản xác minh: 10 ngày làm việc.	UBND cấp huyện	75.000 đồng (miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng, thuộc hộ nghèo; người khuyết tật)	Mức độ 3	Nộp hồ sơ	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; - Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015. - Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 của HĐND thành phố Hải Phòng.
16	Cấp bản sao trích lục hộ tịch	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; TH nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo	UBND cấp huyện	8.000 đồng/bản sao	Mức độ 3	Nộp hồ sơ	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; - Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015. - Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 của HĐND thành phố Hải Phòng.

II. Lĩnh vực chứng thực (12 thủ tục)

1	Cấp bản sao từ sổ gốc	Ngay trong ngày hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ	UBND cấp huyện	Không	Mức độ 3	Nộp hồ sơ	Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015
2	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền	- Ngay trong ngày hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ; - TH phức tạp:	UBND cấp huyện	2.000 đồng/ trang; từ trang thứ	Mức độ 3		- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015; - Thông tư số 20/2015/TT-BTP ngày

	của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận	không quá 02 ngày làm việc.		3 trở lên thu 1.000 đồng/ trang, tối đa thu không quá 200.000 đồng/bản			29/12/2015; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016.
3	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	- Ngay trong ngày hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ; - TH phức tạp: không quá 02 ngày làm việc.	UBND cấp huyện	2.000 đồng/ trang; từ trang thứ 3 trở lên thu 1.000 đồng/ trang, tối đa thu không quá 200.000 đồng/bản	Mức độ 3		- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015; - Thông tư số 20/2015/TT-BTP ngày 29/12/2015; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016.
4	Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả TH chứng thực điểm chỉ và TH người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)	Ngay trong ngày hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ	UBND cấp huyện	10.000 đồng			- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015; - Thông tư số 20/2015/TT-BTP ngày 29/12/2015; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016.
5	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	Ngay trong ngày hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ	UBND cấp huyện	30.000 đồng			- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015; - Thông tư số 20/2015/TT-BTP ngày 29/12/2015; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016.
6	Sửa lỗi sai sót	Ngay trong ngày	UBND cấp	25.000	Mức độ		- Nghị định số

	trong hợp đồng, giao dịch	hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ	huyện	đồng	3		23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015; - Thông tư số 20/2015/TT-BTP ngày 29/12/2015; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016.
7	Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	Ngay trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ	UBND cấp huyện	2.000 đồng/trang; từ trang thứ 3 trở lên thu 1.000 đồng/trang, tối đa thu không quá 200.000 đồng/bản	Mức độ 3		- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015; - Thông tư số 20/2015/TT-BTP ngày 29/12/2015; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016.
8	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch là công tác viên dịch thuật của Phòng Tư pháp	Ngay trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ	UBND cấp huyện	10.000 đồng	Mức độ 3		- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015; - Thông tư số 20/2015/TT-BTP ngày 29/12/2015; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016.
9	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là công tác viên dịch thuật của Phòng Tư pháp	Ngay trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ	UBND cấp huyện	10.000 đồng	Mức độ 3		- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015; - Thông tư số 20/2015/TT-BTP ngày 29/12/2015; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016.
10	Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản	02 ngày làm việc hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu	UBND cấp huyện	50.000 đồng			- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015; - Thông tư số 20/2015/TT-BTP ngày

		chứng thực					29/12/2015; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016.
11	Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản	02 ngày làm việc hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực	UBND cấp huyện	50.000 đồng			- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015; - Thông tư số 20/2015/TT-BTP ngày 29/12/2015; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016.
12	Chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản	02 ngày làm việc hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực	UBND cấp huyện	50.000 đồng			- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015; - Thông tư số 20/2015/TT-BTP ngày 29/12/2015; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016.

III. Lĩnh vực bồi thường nhà nước (05 thủ tục)

1	Xác định cơ quan có trách nhiệm bồi thường	- 05 ngày làm việc; - TH không thống nhất về cơ quan có trách nhiệm bồi thường: 15 ngày.	UBND cấp huyện	Không		Nộp hồ sơ	- Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2009; - Nghị định số 16/2010/NĐ-CP ngày 03/3/2010; - Thông tư số 03/2013/TT-BTP ngày 31/01/2013; - Thông tư số 13/2015/TT-BTP ngày 29/9/2015.
2	Thủ tục giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại.	Thực hiện ngay khi nhận được hồ sơ hợp lệ	Cơ quan giải quyết bồi thường là cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại trong	Không		Nộp hồ sơ	- Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017; - Nghị định số 68/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018; - Thông tư số 04/2018/TT-BTP ngày 17/5/2018.

			hoạt động quản lý hành chính, tổ tụng, thi hành án quy định từ Điều 33 đến Điều 39 của Luật TNBTCNN năm 2017				
3	Trả lại tài sản	05 ngày làm việc, kể từ ngày quyết định thu giữ, tạm giữ, kê biên, tịch thu bị hủy bỏ	Cơ quan đã ra Quyết định hủy bỏ Quyết định thu giữ, tạm giữ, kê biên, tịch thu tài sản.	Không			- Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2009; - Nghị định số 16/2010/NĐ-CP ngày 03/3/2010.
4	Chi trả tiền bồi thường	40 ngày làm việc	Cơ quan có trách nhiệm bồi thường	Không			- Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2009; - Nghị định số 16/2010/NĐ-CP ngày 03/3/2010; - Thông tư liên tịch số 19/2010/TTLT-BTP-BTC-TTCT ngày 26/11/2010; - Thông tư liên tịch số 08/2013/TTLT-BTP-BTC-TTCT ngày 27/02/2013; - Thông tư liên tịch số 71/2012/TTLT-BTC-BTP ngày 09/5/2012.
5	Phục hồi danh dự	15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản có ý kiến đồng ý của người bị thiệt hại hoặc yêu cầu của người bị thiệt hại về việc phục hồi danh dự.	Cơ quan giải quyết bồi thường là cơ quan trực tiếp quản lý	Không		Nộp hồ sơ	- Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017; - Nghị định số 68/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018; - Thông tư số 04/2018/TT-BTP ngày

			người thi hành công vụ gây thiệt hại trong hoạt động quản lý hành chính, tổ tụng, thi hành án quy định từ Điều 33 đến Điều 39 của Luật TNBTCNN năm 2017				17/5/2018.
--	--	--	---	--	--	--	------------

IV. Lĩnh vực phổ biến, giáo dục pháp luật (03 thủ tục)

1	Công nhận báo cáo viên pháp luật cấp huyện	05 ngày làm việc	UBND cấp huyện	Không	Mức độ 3		- Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2012; - Nghị định số 28/2013/NĐ-CP ngày 04/4/2013; - Thông tư số 10/2016/TT-BTP ngày 22/7/2016 .
2	Miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật cấp huyện	05 ngày làm việc	UBND cấp huyện	Không			- Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2012; - Nghị định số 28/2013/NĐ-CP ngày 04/4/2013; - Thông tư số 10/2016/TT-BTP ngày 22/7/2016 .
3	Thực hiện hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải	11 ngày làm việc	UBND cấp huyện	Không		Nộp hồ sơ	- Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2013; - Nghị định số 15/2014/NĐ-CP ngày 27/02/2014.

**D. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN CỦA ỦY BAN
NHÂN DÂN CẤP XÃ (39 thủ tục)**

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, nhận kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
					Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4	Dịch vụ bưu chính công ích	
I. Lĩnh vực hộ tịch (17 thủ tục)							
1	Đăng ký khai sinh	Ngay trong ngày, TH nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo	UBND cấp xã	- Đăng ký khai sinh đúng hạn: miễn - Đăng ký khai sinh quá hạn: 8.000 đồng (miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng, thuộc hộ nghèo; người khuyết tật)		Nộp hồ sơ	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; - Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015. - Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 của HĐND thành phố Hải Phòng.
2	Đăng ký kết hôn	- Ngay trong ngày, TH nhận hồ	UBND cấp xã	Không			- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm

		sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo; - TH cần xác minh điều kiện kết hôn của hai bên nam, nữ: 05 ngày làm việc.				2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; - Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015. - Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 của HĐND thành phố Hải Phòng.
3	Đăng ký nhận cha, mẹ, con	- 03 ngày làm việc; - TH cần phải xác minh: 08 ngày làm việc.	UBND cấp xã	10.000 đồng (miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng, thuộc hộ nghèo; người khuyết tật)		- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; - Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015. - Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 của HĐND thành phố Hải Phòng.
4	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con	- 03 ngày làm việc; - TH cần phải xác minh: 08 ngày làm việc.	UBND cấp xã	- Đăng ký khai sinh đúng hạn: miễn - Đăng ký khai sinh quá hạn: 8.000 đồng - Đăng ký nhận cha, mẹ, con		- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; - Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015. - Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 của HĐND thành phố Hải Phòng.

				10.000 đồng (miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng, thuộc hộ nghèo; người khuyết tật)			
5	Đăng ký khai tử	- Ngay trong ngày, TH nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo; - TH cần xác minh: 03 ngày làm việc.	UBND cấp xã	- Đăng ký khai tử đúng hạn: miễn - Đăng ký khai tử quá hạn: 8.000 đồng (miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng, thuộc hộ nghèo; người khuyết tật)		Nộp hồ sơ	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; - Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015; - Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 của HĐND thành phố Hải Phòng.
6	Đăng ký khai sinh lưu động	05 ngày làm việc	UBND cấp xã	- Đăng ký khai sinh đúng hạn: miễn			- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015;

				- Đăng ký khai sinh quá hạn: 8.000 đồng (miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng, thuộc hộ nghèo; người khuyết tật)		- Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015. - Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 của HĐND thành phố Hải Phòng.
7	Đăng ký kết hôn lưu động	05 ngày làm việc	UBND cấp xã	Không		- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; - Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015. - Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 của HĐND thành phố Hải Phòng.

8	Đăng ký khai tử lưu động	05 ngày làm việc	UBND cấp xã	Đăng ký khai tử đúng hạn: miễn - Đăng ký khai tử quá hạn: 8.000 đồng (miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng, thuộc hộ nghèo; người khuyết tật)			- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; - Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015. - Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 của HĐND thành phố Hải Phòng.
9	Đăng ký giám hộ	03 ngày làm việc	UBND cấp xã	Không		Nộp hồ sơ	- Bộ luật Dân sự; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; - Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015. - Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 của HĐND thành phố Hải Phòng.
10	Đăng ký chấm dứt giám hộ	02 ngày làm việc	UBND cấp xã	Không		Nộp hồ sơ	- Bộ luật Dân sự; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; - Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015.

							- Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 của HĐND thành phố Hải Phòng.
11	Đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch	- Thay đổi, cải chính hộ tịch: 03 ngày làm việc (TH phải xác minh: 06 ngày làm việc); - Bổ sung hộ tịch: ngay trong ngày, TH nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.	UBND cấp xã	10.000 đồng (miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng, thuộc hộ nghèo; người khuyết tật)		Nộp hồ sơ	- Bộ luật Dân sự; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; - Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015. - Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 của HĐND thành phố Hải Phòng.
12	Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	- 03 ngày làm việc; - TH phải gửi văn bản xác minh: 06 ngày làm việc.	UBND cấp xã	5.000 đồng (miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng, thuộc hộ nghèo; người khuyết tật)	Mức độ 3	Nộp hồ sơ	- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; - Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015. - Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 của HĐND thành phố Hải Phòng.

13	Đăng ký lại khai sinh	- 05 ngày làm việc; - TH phải gửi văn bản xác minh: 13 ngày làm việc.	UBND cấp xã	8.000 đồng (miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng, thuộc hộ nghèo; người khuyết tật)		Nộp hồ sơ	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; - Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015. - Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 của HĐND thành phố Hải Phòng.
14	Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	- 05 ngày làm việc; - TH phải gửi văn bản xác minh: 13 ngày làm việc.	UBND cấp xã	8.000 đồng (miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng, thuộc hộ nghèo; người khuyết tật)		Nộp hồ sơ	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; - Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015. - Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 của HĐND thành phố Hải Phòng.
15	Đăng ký lại kết hôn	- 05 ngày làm việc; - TH phải gửi văn bản xác minh: 13 ngày làm việc.	UBND cấp xã	30.000 đồng (miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng,			- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; - Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015. - Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 của

				thuộc hộ nghèo; người khuyết tật)			HĐND thành phố Hải Phòng.
16	Đăng ký lại khai tử	- 05 ngày làm việc; - TH phải gửi văn bản xác minh: 10 ngày làm việc.	UBND cấp xã	8.000 đồng (miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng, thuộc hộ nghèo; người khuyết tật)		Nộp hồ sơ	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; - Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015. - Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 của HĐND thành phố Hải Phòng.
17	Cấp bản sao trích lục hộ tịch	Ngày trong ngày; TH nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.	UBND cấp xã	8.000 đồng/bản sao	Mức độ 3	Nộp hồ sơ	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; - Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016.
II. Lĩnh vực nuôi con nuôi (02 thủ tục)							
1	Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước	30 ngày	UBND cấp xã	400.000đ (miễn lệ phí đối với TH cha đương hoặc mẹ kể nhận con riêng của vợ			- Luật Nuôi con nuôi năm 2010; - Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21/3/2011; - Thông tư số 12/2011/TT-BTP ngày 27/6/2011; - Thông tư số 24/2014/TT-BTP ngày 29/12/2014; - Nghị định số 114/2016/NĐ-CP ngày

				hoặc chồng; cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi; nhận các trẻ em sau làm con nuôi: trẻ khuyết tật, nhiễm HIV/AIDS; người có cộng với cách mạng nhận con nuôi)			08/7/2016; - Thông tư số 267/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016.
2	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước	05 ngày làm việc	UBND cấp xã	Không			- Luật Nuôi con nuôi năm 2010; - Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21/3/2011; - Thông tư số 12/2011/TT-BTP ngày 27/6/2011; - Thông tư số 24/2014/TT-BTP ngày 29/12/2014; - Nghị định số 114/2016/NĐ-CP ngày 08/7/2016; - Thông tư số 267/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016.
III. Lĩnh vực chứng thực (11 thủ tục)							
1	Cấp bản sao từ sổ gốc	Ngay trong ngày hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp	UBND cấp xã	Không		Nộp hồ sơ	Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015

		nhận yêu cầu sau 15 giờ					
2	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận	- Ngay trong ngày hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ; - TH phức tạp: không quá 02 ngày làm việc.	UBND cấp xã	2.000 đồng/trang; từ trang thứ 3 trở lên thu 1.000 đồng/trang, tối đa thu không quá 200.000 đồng/bản.			- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015; - Thông tư số 20/2015/TT-BTP ngày 29/12/2015; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016.
3	Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)	Ngay trong ngày hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ	UBND cấp xã	10.000 đồng			- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015; - Thông tư số 20/2015/TT-BTP ngày 29/12/2015; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016.
4	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	Ngay trong ngày hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ	UBND cấp xã	30.000 đồng			- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015; - Thông tư số 20/2015/TT-BTP ngày 29/12/2015; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016.
5	Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	Ngay trong ngày hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ	UBND cấp xã	25.000 đồng			- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015; - Thông tư số 20/2015/TT-BTP ngày 29/12/2015; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016.
6	Cấp bản sao có	Ngay trong	UBND cấp xã	2.000			- Nghị định số

	chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	ngày hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ		đồng/ trang; từ trang thứ 3 trở lên thu 1.000 đồng/ trang, tối đa thu không quá 200.000 đồng/bản			23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015; - Thông tư số 20/2015/TT-BTP ngày 29/12/2015; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016.
7	Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất và nhà ở	02 ngày làm việc hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực	UBND cấp xã	50.000 đồng			- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015; - Thông tư số 20/2015/TT-BTP ngày 29/12/2015; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016.
8	Chứng thực di chúc	02 ngày làm việc hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực	UBND cấp xã	50.000 đồng			- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015; - Thông tư số 20/2015/TT-BTP ngày 29/12/2015; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016.
9	Chứng thực văn bản từ chối nhận di sản	02 ngày làm việc hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực	UBND cấp xã	50.000 đồng			- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015; - Thông tư số 20/2015/TT-BTP ngày 29/12/2015; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016.
10	Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà	02 ngày làm việc hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng	UBND cấp xã	50.000 đồng			- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015; - Thông tư số 20/2015/TT-BTP ngày 29/12/2015;

	ở	văn bản với người yêu cầu chứng thực					- Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016.
11	Chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	02 ngày làm việc hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực	UBND cấp xã	50.000 đồng			- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015; - Thông tư số 20/2015/TT-BTP ngày 29/12/2015; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016.

IV. Lĩnh vực bồi thường nhà nước (03 thủ tục)

1	Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại	Thực hiện ngay khi nhận được hồ sơ hợp lệ	Cơ quan giải quyết bồi thường là cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại trong hoạt động quản lý hành chính quy định tại Điều 33 của Luật TNBTCNN năm 2017	Không		Nộp hồ sơ	- Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017; - Nghị định số 68/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018; - Thông tư số 04/2018/TT-BTP ngày 17/5/2018.
2	Trả lại tài sản	05 ngày làm việc	Cơ quan đã ra Quyết định hủy bỏ Quyết định thu giữ, tạm giữ, kê biên, tịch thu tài sản	Không			- Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2009; - Nghị định số 16/2010/NĐ-CP ngày 03/3/2010.
3	Chi trả tiền bồi thường trong hoạt động quản lý hành chính	10 ngày làm việc	Cơ quan có trách nhiệm bồi thường	Không			- Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2009; - Nghị định số 16/2010/NĐ-CP ngày 03/3/2010; - Thông tư liên tịch số

						19/2010/TTLT-BTP-BTC-TTCP ngày 26/11/2010; - Thông tư liên tịch số 08/2013/TTLT-BTP-BTC-TTCP ngày 27/02/2013. - Thông tư liên tịch số 71/2012/TTLT-BTC-BTP ngày 09/5/2012.
V. Lĩnh vực phổ biến, giáo dục pháp luật (06 thủ tục)						
1	Công nhận tuyên truyền viên pháp luật	05 ngày làm việc	UBND cấp xã	Không	Mức độ 3	- Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2012; - Nghị định số 28/2013/NĐ-CP ngày 04/4/2013; - Thông tư số 10/2016/TT-BTP ngày 22/7/2016 .
2	Cho thôi làm tuyên truyền viên pháp luật	03 ngày làm việc	UBND cấp xã	Không		- Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2012; - Nghị định số 28/2013/NĐ-CP ngày 04/4/2013; - Thông tư số 10/2016/TT-BTP ngày 22/7/2016 .
3	Công nhận hòa giải viên	05 ngày làm việc	UBND cấp xã	Không		- Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2013; - Nghị quyết liên tịch số 01/2014/NQLT-UBTWMTTQVN ngày 18/11/2014 .
4	Công nhận tổ trưởng tổ hòa giải	05 ngày làm việc	UBND cấp xã	Không		- Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2013; - Nghị quyết liên tịch số 01/2014/NQLT-UBTWMTTQVN ngày 18/11/2014 .
5	Thôi làm hòa giải viên	05 ngày làm việc	UBND cấp xã	Không		- Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2013; - Nghị quyết liên tịch số 01/2014/NQLT-UBTWMTTQVN ngày 18/11/2014 .
6	Thanh toán thù lao cho hòa giải viên	08 ngày làm việc	UBND cấp xã	Không		- Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2013; - Nghị định số 15/2014/NĐ-CP.

PHỤ LỤC II
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC TƯ PHÁP
KHÔNG THỰC HIỆN TẠI BỘ PHẬN MỘT CỬA (21 thủ tục)
(kèm theo Quyết định số 614/QĐ-CT ngày 25/3/2019 của Chủ tịch UBND thành phố)

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP THÀNH PHỐ (18 thủ tục)

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (14 THỦ TỤC)

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, nhận kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
					Dịch vụ công trực tuyến	Dịch vụ bưu chính công ích	
I. Lĩnh vực công chứng, chứng thực (14 thủ tục)							
1	Công chứng bản dịch	Không quá 02 ngày làm việc	Tổ chức hành nghề công chứng	Theo quy định của Thông tư số 257/2016/TT-BTC			- Luật Công chứng năm 2014; - Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016.
2	Công chứng hợp đồng, giao dịch soạn thảo sẵn	- Không quá 02 ngày làm việc; - TH hợp đồng, giao dịch có nội dung phức tạp: không quá 10 ngày làm việc.	Tổ chức hành nghề công chứng	Theo quy định của Thông tư số 257/2016/TT-BTC			- Luật Công chứng năm 2014; - Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016.
3	Công chứng hợp đồng, giao dịch do công chứng viên soạn thảo theo đề nghị của người yêu cầu công chứng	- Không quá 02 ngày làm việc; - TH hợp đồng, giao dịch có nội dung phức tạp: không quá 10 ngày làm việc.	Tổ chức hành nghề công chứng	Theo quy định của Thông tư số 257/2016/TT-BTC			- Luật Công chứng năm 2014; - Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016.

4	Công chứng việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	- Không quá 02 ngày làm việc; - TH hợp đồng, giao dịch có nội dung phức tạp: không quá 10 ngày làm việc.	Tổ chức hành nghề công chứng	Theo quy định của Thông tư số 257/2016/TT-BTC			- Luật Công chứng năm 2014; - Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016.
5	Công chứng hợp đồng thế chấp bất động sản	- Không quá 02 ngày làm việc; - TH hợp đồng, giao dịch có nội dung phức tạp: không quá 10 ngày làm việc.	Tổ chức hành nghề công chứng	Theo quy định của Thông tư số 257/2016/TT-BTC			- Luật Công chứng năm 2014; - Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016.
6	Công chứng di chúc	- Không quá 02 ngày làm việc; - TH hợp đồng, giao dịch có nội dung phức tạp: không quá 10 ngày làm việc.	Tổ chức hành nghề công chứng	50.000 đồng			- Luật Công chứng năm 2014; - Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016.
7	Công chứng văn bản thỏa thuận phân chia di sản	- Không quá 02 ngày làm việc; - TH hợp đồng, giao dịch có nội dung phức tạp: không quá 10 ngày làm việc.	Tổ chức hành nghề công chứng	Theo quy định của Thông tư số 257/2016/TT-BTC			- Luật Công chứng năm 2014; - Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016.
8	Công chứng văn bản khai nhận di sản	- Không quá 02 ngày làm việc; - TH hợp đồng, giao	Tổ chức hành nghề công chứng	Theo quy định của Thông tư số 257/2016/TT-BTC			- Luật Công chứng năm 2014; - Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016.

		địch có nội dung phức tạp: không quá 10 ngày làm việc.					
9	Công chứng văn bản từ chối nhận di sản	- Không quá 02 ngày làm việc; - TH hợp đồng, giao dịch có nội dung phức tạp: không quá 10 ngày làm việc.	Tổ chức hành nghề công chứng	20.000 đồng			- Luật Công chứng năm 2014; - Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016.
10	Công chứng hợp đồng ủy quyền	- Không quá 02 ngày làm việc; - TH hợp đồng, giao dịch có nội dung phức tạp: không quá 10 ngày làm việc.	Tổ chức hành nghề công chứng	50.000 đồng			- Luật Công chứng năm 2014; - Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016.
11	Nhận lưu giữ di chúc	Không quy định	Tổ chức hành nghề công chứng	100.000 đồng			- Luật Công chứng năm 2014; - Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016.
12	Cấp bản sao văn bản công chứng	Không quy định	Tổ chức hành nghề công chứng	5.000 đồng/trang, từ trang thứ ba trở lên thì mỗi trang thu 3.000 đồng nhưng tối đa không quá 100.000 đồng/bản			- Luật Công chứng năm 2014; - Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016.

13	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	- Trong ngày tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ; - Đối với TH phức tạp: không quá 02 ngày làm việc hoặc có thể dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực.	Tổ chức hành nghề công chứng	2.000 đồng/trang đối với trang thứ nhất, trang thứ hai; từ trang thứ ba trở lên thu 1.000 đồng/trang nhưng mức thu tối đa không quá 200.000 đồng/bản.	Mức độ 3	- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015; - Thông tư số 20/2015/TT-BTP ngày 29/12/2015; - Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016.
14	Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả TH chứng thực điểm chỉ và TH người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)	Trong ngày tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ	Tổ chức hành nghề công chứng	10.000 đồng		- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015; - Thông tư số 20/2015/TT-BTP ngày 29/12/2015; - Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016.

II. Lĩnh vực trợ giúp pháp lý (03 thủ tục)

1	Yêu cầu trợ giúp pháp lý	Ngay sau khi nhận đủ hồ sơ theo quy định	Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước	Không		Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017; - Nghị định số 144/2017/NĐ-CP ngày 15/12/2017; - Thông tư số 08/2017/TT-BTP ngày 15/11/2017. - Thông tư số 12/2018/TT-BTP ngày 28/8/2018.
2	Thay đổi người thực hiện trợ	03 ngày làm việc kể từ	Trung	Không	Mức	Nộp hồ	- Luật Trợ giúp pháp lý

	giúp pháp lý	ngày nhận được đơn đề nghị thay đổi người thực hiện trợ giúp pháp lý.	tâm trợ giúp pháp lý nhà nước		độ 3	sơ và trả kết quả	năm 2017; - Thông tư số 12/2018/TT-BTP ngày 28/8/2018.
3	Giải quyết khiếu nại về trợ giúp pháp lý	- Đối với người đứng đầu tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được khiếu nại; - Đối với Giám đốc Sở Tư pháp: 15 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại.	- Người đứng đầu tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý - Giám đốc Sở Tư pháp	Không			- Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017; - Thông tư số 12/2018/TT-BTP ngày 28/8/2018.

III. Lĩnh vực bồi thường nhà nước (01 thủ tục)

1	Phục hồi danh dự	- 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo về việc Nhà nước tổ chức phục hồi danh dự. - 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản có ý kiến đồng ý của người bị thiệt hại hoặc yêu cầu của người bị thiệt hại về việc phục hồi danh dự.	Cơ quan giải quyết bồi thường là cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại trong hoạt động quản lý hành chính, tổ tụng, thi hành án	Không		Nộp hồ sơ	- Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017; - Nghị định số 68/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018; - Thông tư số 04/2018/TT-BTP ngày 17/5/2018.
---	------------------	---	--	-------	--	-----------	--

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN (03 thủ tục)

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, nhận kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
					Dịch vụ công trực tuyến	Dịch vụ bưu chính công ích	
Lĩnh vực trợ giúp pháp lý							
1	Yêu cầu trợ giúp pháp lý	Ngay sau khi nhận đủ hồ sơ theo quy định	Chi nhánh của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước	Không		Nộp hồ sơ	- Luật Trợ giúp pháp lý năm 2006; - Nghị định số 07/2007/NĐ-CP ngày 12/01/2007; - Thông tư số 19/2011/TT-BTP ngày 31/10/2011.
2	Thay đổi người thực hiện trợ giúp pháp lý	03 ngày làm việc	Chi nhánh của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước	Không	Mức độ 3	Nộp hồ sơ	- Luật Trợ giúp pháp lý năm 2006; - Nghị định số 07/2007/NĐ-CP ngày 12/01/2007; - Thông tư số 19/2011/TT-BTP ngày 31/10/2011.
3	Đề nghị thanh toán chi phí thực hiện vụ việc trợ giúp pháp lý	05 ngày làm việc	Chi nhánh của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước	Theo quy định của Thông tư số 257/2016/TT-BTC			- Luật Trợ giúp pháp lý năm 2006; - Nghị định số 07/2007/NĐ-CP ngày 12/01/2007; - Nghị định số 14/2013/NĐ-CP ngày 05/02/2013; - Thông tư liên tịch số 209/2012/TTLT-BTC-BTP ngày 30/11/2012.